

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 168/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 20-12-2024.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch

Ông Đinh Xuân Dâu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 871/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1988.

HKTT: Tổ 3, ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 269 Đ, khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1989.

HKTT: Tổ 9B, ấp E, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Tổ A, ấp E, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 23/9/2024 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà và ông Trần Ngọc H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 138 ngày 21 tháng 9 năm 2017. Việc kết hôn do bà và ông H đều

tự nguyện. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Nguyên nhân bà L yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình. Khi vợ chồng cãi nhau ông H còn đe dọa, chửi bới, xúc phạm và bạo hành tinh thần bà. Bà và ông H1 đã sống ly thân từ năm 09/2024 đến nay. Hiện bà L xác định không còn tình cảm với ông H, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Lê Song H2, sinh ngày 26/3/2018. Ly hôn bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H2, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bà L đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 12/11/2024 bị đơn ông Trần Ngọc H trình bày:

Ông và bà L có đăng ký kết hôn tự nguyện. Do công việc của ông làm hồ không được ổn định nên thu nhập cũng không ổn định do đó cũng ảnh hưởng đến kinh tế gia đình không phụ giúp bà L được nhiều như tiền bạc, cuộc sống nên vợ chồng có mâu thuẫn với nhau về kinh tế nên vợ chồng có cãi nhau. Từ tháng 9/2024 bà L chuyển ra ngoài sinh sống và không quan tâm đến ông nữa. Ông có đến gặp bà L để nói chuyện nhưng bà L kiên quyết không về đoàn tụ với ông. Nay bà L xin ly hôn thì ông không đồng ý vì con chung còn nhỏ và cháu đang bị bệnh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 tên là Trần Lê Song H2, sinh ngày 26/3/2018. Trong trường hợp ly hôn ông H cũng có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Ông H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L; Về con chung: Giao con chung là cháu rằn Lê Song H2, sinh ngày 26/3/2018 cho bà L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị L, bị đơn ông Trần Ngọc H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn bà L và bị đơn ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Trần Ngọc H xây dựng gia đình với nhau 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 138 ngày 21 tháng 9 năm 2017 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo **Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014**.

Bà L khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông H với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông H nhậu nhẹt về chửi bới, xúc phạm danh dự bà L làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhau 09/2024 đến nay không bàn bạc đoàn tụ được. Đồng thời ông H cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn về tiền bạc, nên có cãi vã nhau và khi vợ chồng ly thân ông có bàn bạc đoàn tụ với bà L nhưng bà L không đồng ý. Nay bà L xin ly hôn ông H không đồng ý do ông thương con còn nhỏ. Do đó, xác định bà L và ông H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L, xử cho bà L được ly hôn ông H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Lê Song H2, sinh ngày 26/3/2018. Hiện nay cháu H2 đang ở với bà L. Xét thời gian qua bà L nuôi con tốt, ông H không có ý kiến phản ánh hay yêu cầu gì đối với việc nuôi con chung của bà L tại địa phương. Đồng thời theo lời khai của ông H thì ông làm thợ hồ công việc không ổn định, thu nhập không ổn định. Mặt khác, Tòa án có tiến hành xác minh chủ phòng trọ nơi mẹ con bà L hiện nay đang thuê sinh sống thì được biết bà L chăm con tốt, trực tiếp đưa đón cháu H2 đi học. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu là Trần Lê Song H2, sinh ngày 26/3/2018 cho bà Lê Thị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của bà Lê Thị L đối với ông Trần Ngọc H.

Xử cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Trần Ngọc H.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trần Lê Song H2, sinh ngày 26/3/2018 cho bà Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Trần Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Ngọc H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 110 và Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0016885 ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom (Bà L đã nộp đủ).

3. Bà L và ông H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Trảng Bom (1);
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom (1);
- **UBND thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom;**
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Xuân D – Đ

Bùi Thị Bích H3

